

PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ CHO RĂNG VĨNH VIỄN VIÊM TỦY

1. Chẩn đoán:

1.1. Lâm sàng:

- Đau khi có kích thích: nóng, lạnh, chua, ngọt, khi ăn nhai... hết kích thích hết đau.
- Đau liên tục, uống thuốc giảm đau cũng không đỡ.
- Khám trong miệng:
 - Răng sâu lớn, mô mềm xung quanh răng có biểu hiện viêm, nhiễm trùng (sưng đỏ, có thể có lỗ dò).
 - Răng lung lay nhẹ hoặc không, đau khi gõ nhẹ (đôi khi triệu chứng lâm sàng rất điển hình của viêm tủy cấp không cần gõ).

1.2. Cận lâm sàng: Phim X-quang:

- Độ lan rộng của tổn thương mô răng (độ thấu quang) tới tủy hoặc gần sát sừng tủy. Hoặc có điều trị lấy tủy buồng hay tủy chân trước đó. Có thấu quang quanh chóp hoặc không.
- Dây chằng nha chu dẫn rộng hoặc bình thường.
- Chóp chân răng đóng kín hoặc chưa đóng chóp.

1.3. Chẩn đoán xác định: Viêm tủy

2. Điều trị:

2.1. Chỉ định:

- Tùy theo tổn thương trên lâm sàng và phim X-quang.
- Che tủy trực tiếp hoặc gián tiếp bằng Hydroxit Canxi - $\text{Ca}(\text{OH})_2$.
- Điều trị tủy: lấy tủy chân.

2.2. Chống chỉ định tương đối:

- Bệnh nhân có tiền sử các bệnh tim mạch, bệnh về máu,... (cho trẻ khám chuyên khoa và có ý kiến của bác sĩ chuyên khoa cho phép điều trị và các thuốc trẻ có thể dùng được trong thời gian điều trị).

2.3. Điều trị:

Tùy theo tổn thương trên lâm sàng và phim X-quang:

- Điều trị bảo tồn: Che tủy trực tiếp hoặc gián tiếp bằng Hydroxit Canxi - $\text{Ca}(\text{OH})_2$.
- Điều trị tủy: Lấy tủy chân, nếu răng chưa đóng chóp phải điều trị đóng chóp chân răng trước khi trám ống tủy.

Thuốc: Tùy thực tế trên lâm sàng, có thể lựa chọn thuốc điều trị cho phù hợp.

- **Kháng sinh:**

○ **Amoxicilline 250mg (viên nang, gói), 500mg (viên nang):**

- Trẻ em trên 12 tuổi: Dùng liều người lớn: 500 mg, cách 8 giờ 1 lần.
- Trẻ em đến 10 tuổi: 125-250mg, cách 8 giờ 1 lần.
- Trẻ dưới 20 kg thường dùng liều 20 – 40mg/ kg thể trọng/ ngày.

○ **Metronidazole 250 mg:**

- Liều thường dùng cho trẻ em: 20-30 mg/kg/ngày, chia làm 4 lần uống.

- **Kháng viêm:**

○ **Lysozym 90mg:**

- Trẻ em trên 30 tháng tuổi: 4,5mg/kg/ngày, chia 3 lần uống.

○ **Dexamethazone 0,5mg:**

- Liều thường dùng cho trẻ em: 0,024 – 0,34 mg/kg/ngày chia làm 4 liều.

○ **Prednison 5 mg:**

- Liều thường dùng cho trẻ em: 0,14 – 2 mg/kg/ngày chia làm 4 lần uống.

- **Giảm đau:**

○ **Paracetamol 500mg, 325mg, 250mg (gói), 125mg (gói):**

- Trẻ em trên 12 tuổi: dùng theo liều người lớn: 500mg, 4-6 giờ một lần uống.
- Trẻ em 10 – 11 tuổi: 480mg, mỗi 4-6 giờ một lần uống.
- Trẻ em 9 – 10 tuổi: 400mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
- Trẻ em 6 – 8 tuổi: 320mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
- Trẻ em 4 – 5 tuổi: 240mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
- Trẻ em 2-3 tuổi: 160mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
- Trẻ em 1 – 2 tuổi: 120mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.

- Thời gian dùng thuốc từ 5 – 7 ngày.

- PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ CHO RĂNG VĨNH VIỄN HOẠI TỬ TỬY (K0.41)

1. CHẨN ĐOÁN:

1.1. Lâm sàng:

- Đau hoặc không đau, răng đổi màu (so sánh với màu răng bên cạnh hoặc gần đó bình thường). Mô mềm xung quanh răng có thể sưng đỏ, có mũ (áp-xe hay có lỗ dò ở mô mềm vùng chân răng). Tồn thương có thể lộ tủy hay không, có lỗ sâu trên răng.
- Răng lung lay, gõ đau hoặc không đau (gõ bằng cán gương với lực nhẹ).

1.2. Cận lâm sàng (nếu có):

Phim X-quang: có thấu quang quanh chóp răng, dây chằng nha chu dẫn rộng, có thể có tiêu xương chân răng.

1.3. Chẩn đoán xác định: Hoại tử tủy (K0.41).

2. ĐIỀU TRỊ:

2.1. Chỉ định:

- Lấy tủy chân răng; hoặc nhổ nếu nhiễm trùng nhiều, răng lung lay không giữ được.

2.2. Chống chỉ định tương đối:

- Bệnh nhân có tiền sử các bệnh tim mạch, bệnh về máu,... (cho trẻ khám chuyên khoa và có ý kiến của bác sĩ chuyên khoa cho phép điều trị và các thuốc trẻ có thể dùng được trong thời gian điều trị).

2.3. Điều trị:

- Lấy tủy toàn phần hoặc nhổ nếu nhiễm trùng nhiều, răng lung lay không giữ được.

Thuốc: Tủy thực tế trên lâm sàng, có thể lựa chọn thuốc điều trị cho phù hợp.

- Kháng sinh:

- **Amoxicilline 250 mg (viên nang, gói), 500 mg (viên nang):**

- Trẻ em trên 12 tuổi: Dùng liều người lớn: 500mg, cách 8 giờ 1 lần.
- Trẻ em đến 10 tuổi: 125-250mg, cách 8 giờ 1 lần.
- Trẻ dưới 20 kg thường dùng liều 20 – 40mg/ kg thể trọng/ ngày.

- **Metronidazole 250mg:**

- Liều thường dùng cho trẻ em: 20-30 mg/kg/ngày, chia làm 4 lần uống.

- **Kháng viêm:**
 - **Lysozym 90mg:**
 - Trẻ em trên 30 tháng tuổi: 4,5mg/kg/ngày, chia 3 lần uống.
 - **Dexamethazone 0,5mg:**
 - Liều thường dùng cho trẻ em: 0,024 – 0,34 mg/kg/ngày chia làm 4 liều.
 - **Prednisone 5mg:**
 - Liều thường dùng cho trẻ em: 0,14 – 2 mg/kg/ngày chia làm 4 lần uống.
- **Giảm đau:**
 - **Paracetamol 500mg, 325mg, 250mg (gói), 125mg (gói):**
 - Trẻ em trên 12 tuổi: dùng theo liều người lớn: 500mg, 4-6 giờ một lần uống.
 - Trẻ em 10 – 11 tuổi: 480mg, mỗi 4-6 giờ một lần uống.
 - Trẻ em 9 – 10 tuổi: 400mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
 - Trẻ em 6 – 8 tuổi: 320mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
 - Trẻ em 4 – 5 tuổi: 240mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
 - Trẻ em 2-3 tuổi: 160mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
 - Trẻ em 1 – 2 tuổi: 120mg, mỗi 4 – 6 giờ một lần uống.
- Thời gian dùng thuốc từ 5 – 7 ngày.